

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 17 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PNJ	16/10/2025	92.1	2.980.200	543.813	5.48
2	NLG	16/10/2025	42.05	13.635.800	3.456.147	3.95
3	DXG	16/10/2025	22.45	65.908.500	27.243.086	2.42
4	GEX	16/10/2025	65.4	29.485.800	12.179.990	2.42
5	VGS	16/10/2025	33.7	3.187.400	1.387.037	2.3
6	MCH	16/10/2025	147.8	662.500	292.957	2.26
7	PC1	16/10/2025	23.35	5.127.700	2.495.110	02.06
8	VTP	16/10/2025	99.8	828.900	408.810	02.03
9	IDC	16/10/2025	36.9	3.740.300	1.908.963	1.96
10	MSN	16/10/2025	88.2	17.212.400	9.125.053	1.89
11	HAX	16/10/2025	10.65	1.643.300	868.023	1.89
12	NVL	16/10/2025	16.25	28.947.600	16.019.320	1.81
13	DIG	16/10/2025	24.6	43.774.400	24.750.594	1.77
14	ORS	16/10/2025	16.05	7.808.200	4.403.594	1.77
15	VRE	16/10/2025	43.4	17.983.400	10.346.450	1.74
16	DDV	16/10/2025	33.4	1.514.200	882.113	1.72
17	KDH	16/10/2025	34.2	10.297.400	6.080.777	1.69
18	VJC	16/10/2025	173.5	3.679.500	2.188.783	1.68
19	EVF	16/10/2025	14.3	15.749.700	9.969.983	1.58
20	GVR	16/10/2025	27.2	3.624.800	2.293.733	1.58
21	DC4	16/10/2025	11.7	965.800	612.930	1.58
22	VHM	16/10/2025	122	9.475.900	6.022.340	1.57
23	HUT	16/10/2025	17.7	6.789.200	4.402.597	1.54
24	TCH	16/10/2025	25.5	15.551.900	10.394.723	1.5
25	VIC	16/10/2025	213.1	5.217.400	3.484.787	1.5
26	DPG	16/10/2025	49.3	2902600	1948857	1.49
27	GAS	16/10/2025	58.7	956300	684467	1.4
28	AAS	16/10/2025	11.3	4742200	3421413	1.39



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	16/10/2025	7.98	1.810.070	43.14	7.82	02.08	0.03	0.05
2	BID	16/10/2025	39.75	4.391.690	46.59	38.26	3.89	0.08	-0.18
3	CTD	16/10/2025	85.1	1.361.640	57.14	81.15	4.87	0.35	0.03
4	IDI	16/10/2025	7.64	997.600	36.17	7.36	3.78	0.03	0.04
5	KSB	16/10/2025	19.6	1.898.280	48.15	18.34	6.85	0.14	0.25
6	MST	16/10/2025	6	3.585.090	53.27	5.83	2.99	0.01	0.1
7	NTL	16/10/2025	19	1.276.070	52.06	17.76	6.97	-0.13	-0.25
8	VCB	16/10/2025	62.9	5.820.030	47.56	60.87	3.33	0.04	-0.21



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	12.9	13	3.405.510
2	CEO	31.8	32.8	22828410
3	DIG	24.6	24.73	23.542.990
4	GEE	177.4	177.4	1.292.420
5	GEX	65.4	65.7	20058100
6	HDC	42	42.25	5.516.770
7	HDG	35.7	36.4	5.212.210
8	HHP	11.4	11.5	358.290
9	MSR	29.7	31.8	2.332.240
10	MWG	84.5	85	9.140.990
11	MZG	18.9	20	954.470
12	PDR	26.3	27.2	22.088.220
13	TAL	50.3	50.8	619.200
14	TVC	12.2	12.2	920.300
15	VC3	29.2	29.4	750.880
16	VIC	213.1	219.7	4.555.490
17	VJC	173.5	173.5	2.588.480
19	VRE	43.4	45.2	20.115.180

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	FPT	89.6	84.41	8.694.190
2	DXS	11.5	11.4	2.461.270
3	HAX	11.5	11.5	879.580
4	PPC	10.4	10.3	271.420

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	PNJ	92.1	88.86	668.500

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CMG	38	38	414.850
2	CSV	30.1	30.5	499.540
3	DRI	10.9	9.7	339.960
4	FTS	34.4	33.75	1.983.220
5	GAS	58.7	58.5	584.080
6	HAX	10.65	10.5	1.006.050
7	IDC	36.9	36.5	2.639.760
8	KOS	38.45	38.3	359.970
9	LAS	17.5	17.2	211.540
10	LHG	29.6	29	123.920
11	MIG	15.8	15.7	221.250
12	REE	63.8	63.4	417.400
13	SCS	55.7	55.7	354.520
14	SKG	10.5	10.4	106.050
15	TCM	28.8	28.4	1.273.490
16	TNH	12.65	12.65	142.180
17	TV2	32.2	31.85	203.740
18	VGI	65	64.5	235.330
19	VOS	12.95	12.8	909.870

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	NHA	22.06	22.29	517.210

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DTD	22	21.54	834.300
2	DXG	22.45	21.94	29.353.730
3	EVF	14.3	13.99	10062540
4	KBC	37	36.88	7.205.520
5	MST	6	5.96	3.585.090
6	NLG	42.05	41.65	4.697.020
7	QCG	14.8	14.31	943.930
8	VND	23.8	23.71	30.111.360

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CDC	26	25.95	520.880
2	DTD	22	21.58	834.300
3	DXG	22.45	21.52	29353730
4	DXS	12.3	12.27	2.638.080
5	HHV	15.85	15.68	10.987.880
7	KBC	37	36.08	7205520
8	NHA	22.6	22.46	517210
9	NLG	42.05	39.96	4697020
10	NTL	19	18.61	1276070
11	POM	2	1.96	1891630
12	QCG	14.8	14.5	943930
13	VCB	62.9	62.74	5820030
14	VCG	27.7	27.56	12850210

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	FRT	139.5	139.96	713.460
2	NAG	12.7	12.72	657.870
3	PC1	23.35	23.64	2547980
4	TTF	2.89	2.95	881.570

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	26.3	26.32	15.822.780
2	APG	11.8	11.82	528.380
3	TCI	11.5	11.21	651550

Cắt xuống đường trung bình MA20



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SBG	16/10/2025	12.25	12.15	12.7	4.5	244.420
2	NAB	16/10/2025	14.8	14.65	15.5	5.8	1.579.680
3	OCB	16/10/2025	13	12.55	13.4	6.8	4.656.860
4	VEA	16/10/2025	39.8	37.9	40.6	7.1	356.060
5	BAF	16/10/2025	33.95	33.55	36	7.3	2.521.200
6	VTZ	16/10/2025	18.5	18	19.4	7.8	1.511.740
7	MSB	16/10/2025	13.25	13	14.05	8.1	11.455.020
8	SSB	16/10/2025	19	18.6	20.15	8.3	3.140.120
9	ABB	16/10/2025	12.9	11.9	13	9.2	4.089.920
10	PPT	16/10/2025	13.6	13.2	14.5	9.8	261.160
11	VAB	16/10/2025	11.3	11.15	12.3	10.3	1.156.520
12	SAB	16/10/2025	45.2	45.1	50	10.9	518.760
13	REE	16/10/2025	63.8	63.4	71.2	12.3	527.120
14	CTF	16/10/2025	20.35	20.1	22.6	12.4	363.840
15	TTA	16/10/2025	12	11.9	13.4	12.6	263.940
16	PNJ	16/10/2025	92.1	81.57	92.1	12.9	1.052.660
17	PVT	16/10/2025	17.5	17.35	19.6	13	2.634.820
18	PPC	16/10/2025	10.45	10.35	11.7	13	311.460
19	VNM	16/10/2025	61.2	55.93	63.29	13.2	5.288.160
20	VC3	16/10/2025	29.2	25.92	29.4	13.4	828.160
21	VGT	16/10/2025	12	11.9	13.6	14.3	608600
22	KDC	16/10/2025	52.1	49.2	56.3	14.4	235020
23	DPR	16/10/2025	36.5	36.1	41.32	14.5	371980



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009